

Bản án số: 225/2021/HS-ST  
Ngày 17 tháng 12 năm 2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2021/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Mạnh C**, sinh năm 1985. Tên gọi khác: Không. Tại: B. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Bản Hạ, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Sán Dìu. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 12/12. Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ thôn Bản Hạ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 36-QĐ/UBKTHU ngày 29/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lục Ngạn). Con ông: Vi Hoài Thanh, sinh năm 1959 và bà: Diệp Thị Sạc, sinh năm 1959. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Lư Thị D, sinh năm 1988. Bị cáo có ba con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ Công an thành phố B.

( Có mặt tại phiên tòa)

**\* Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Vườn Tùng, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Tư Mại, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh B

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 13/3, đường Nguyễn Văn Cừ, pH Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B

- Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực A Quốc tế

Địa chỉ: LK 9 – 23, khu đô thị mới Văn Khê, pH La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu G – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Số 35, tổ 4, pH Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

- Chị Đỗ Thị Minh K, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 26, đường Thanh Lãm, pH Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Chị Lư Thị D, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 84, đường Tân Ninh, pH Trần Phú, thành phố B, tỉnh B

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Mạnh C, sinh năm 1985, nơi ĐKKHKT tại thôn Bản Hạ, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh B là Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và nhân lực VMC-VMC GROUP (Công ty VMC), địa chỉ tại thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B. Công ty VMC kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau nhưng không được đăng ký và cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Ngày 11/10/2019, Vi Mạnh C với tư cách cá nhân đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần cung ứng nhân lực A quốc tế (Công ty A), có trụ sở chính tại K9-23, khu đô thị Văn Khê, pH La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (Công ty A được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép số 1081/LĐTBBXH- GP ngày 11/01/2019 hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài). Theo hợp đồng hợp tác, Vi Mạnh C hỗ trợ cho Công ty A trong việc tuyển dụng lao động, chuyên gia, kỹ thuật viên đi làm việc tại nước ngoài, C được hưởng thù lao theo thỏa thuận. Cũng theo hợp đồng, C không được thu bất kể một khoản chi phí nào của người lao động trừ khi Công ty A có ủy quyền bằng văn bản. Ngày 31/10/2019, Công ty A được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận thành lập chi nhánh tại B, địa chỉ chi nhánh tại thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn, thành phố B, Vi Mạnh C được cử làm người

đứng đầu chi nhánh. Quá trình hợp tác với Công ty A, Vi Mạnh C và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, trú tại số nhà 02, ngách 13/3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B là nhân viên của Công ty VMC có tham gia nhóm nội bộ mang tên “A-CN B” trên mạng xã hội Zalo để liên lạc, làm việc với ông ty A.

Đến ngày 25/5/2020, Công ty A đã ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh của công ty tại tỉnh B gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B. Vi Mạnh C được Công ty A thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh nhưng hợp đồng hợp tác cá nhân giữa C và Công ty A còn hiệu lực nên C vẫn tiếp tục tham gia nhóm zalo “A-CN B” để nắm các đơn hàng và tư vấn cho người lao động với tư cách cá nhân.

Khoảng tháng 9 năm 2020, C được chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn Vườn Tùng, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B và anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1988, trú tại thôn Tư Mại, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh B (chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng) liên hệ xin tư vấn đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan với điều kiện là chị H và anh T được đi cùng đơn hàng và ở cùng một chỗ. Do trước đó thông qua nhóm zalo “A-CN B”, Vi Mạnh C biết Công ty A đang tuyển đơn hàng xuất khẩu lao động làm hộ lý ở Đài Loan nên đã tư vấn cho chị H đơn hàng nêu trên, chị H đồng ý. Do thời gian này cần chi tiêu cá nhân nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H và anh T. C yêu cầu chị H, anh T chuẩn bị hồ sơ và nộp cho C số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc. Ngày 22/9/2021, chị H và anh T đến Công ty VMC nộp hồ sơ và số tiền 10.000.000 đồng. Chị H là nhân viên công ty VMC nhận tiền và hồ sơ, làm bản thông tin cá nhân của chị H, anh T rồi chuyển toàn bộ tài liệu và số tiền đặt cọc trên cho C. Sau khi nhận hồ sơ, C không chuyển cho Công ty A còn số tiền 10.000.000 đồng đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 25/9/2020, C tiếp tục nói dối chị H là chị H và anh T đã trúng tuyển đơn hàng hộ lý, yêu cầu chị H và anh T nộp số tiền 2000USD tương đương với 47.000.000 đồng để đặt cọc tiền độ hồ sơ, mua vé máy bay và làm visa. Buổi chiều cùng ngày, chị H và anh T đến công ty nộp cho C số tiền 37.000.000 đồng (trừ số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc trước). C viết cho chị H 01 tờ phiếu thu số tiền 47.000.000 đồng, hủy tờ phiếu thu số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc trước đó, đồng thời hẹn chị H ngày 28/9/2020 đến công ty để hoàn thiện thủ tục và làm visa. Số tiền trên C đã sử dụng để trả tiền thuê mặt bằng và chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 28/9/2020, C gửi thông tin của chị H, anh T trong nhóm zalo “A-CN B” thì được nhân viên Công ty A phản hồi là không có đơn hàng nào tuyển dụng cặp vợ chồng làm chung một chỗ. Đến ngày hẹn, chị H không thấy C thông báo đến làm visa như đã hứa nên đã nhiều lần liên lạc với C để hỏi về tiến độ hồ sơ nhưng C quanh co, không đưa ra được mốc thời gian cụ thể nào mà bảo phải đợi. Trong thời gian này, C có hỏi vay của chị H số tiền 12.000.000 đồng nhưng chị H chỉ đồng ý chuyển khoản cho C vay 8.000.000

đồng. Sau đó, chị H phát hiện có nhiều thông tin xấu về C trên mạng xã hội nên ngày 18/10/2020, chị H và anh T đến công ty tìm gặp C để hỏi thì C thông báo hồ sơ có trục trặc và tư vấn chị H, anh T chuyển sang đơn hàng làm nấm. Chị H đồng ý và vẫn yêu cầu chị H, anh T phải được làm cùng chỗ với nhau. Ngày 23/10/2020, C hẹn chị H, anh T đến công ty và nhờ chị H quay video phỏng vấn cho chị H, anh T có nội D tự giới thiệu về bản thân. Sau khi quay xong, C nhờ chị H đăng 02 đoạn video trên lên nhóm zalo “A-CN B” để Công ty A tiến hành xem xét. Ngày 25/10/2020, chị H, anh T đến công ty yêu cầu hủy đơn hàng và yêu cầu C trả lại toàn bộ số tiền đã nộp. C trả lại hồ sơ xuất khẩu lao động cho chị H, anh T và viết 01 giấy cam kết sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền cho chị H nhưng sau đó không trả khoản tiền nào.

Ngày 16/11/2021, chị Nguyễn Thị H đã làm đơn trình báo Công an thành phố B và trình bày số tiền 47.000.000 đồng bị C chiếm đoạt là tài sản của chị H. Ngày 25/11/2020, chị H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy “Cam kết” bản chính thức được viết bằng mực màu xanh trên khổ giấy A4, lập ngày 25/10/2020, trên giấy có chữ ký của Vi Mạnh C và dấu đỏ của Công ty cổ phần đầu tư và nhân lực VMC-VMC GROUP; 01 phiếu thu tiền bản chính được viết bằng mực màu xanh trên khổ giấy trắng theo mẫu in sẵn mực màu đen, trên phiếu có tên người nộp tiền là Nguyễn Thị H, được đóng dấu đỏ “Đã chi tiền”, có chữ ký của Vi Mạnh C và Nguyễn Thị H, lập ngày 25/9/2020.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Vi Mạnh C trên phiếu thu lập ngày 25/9/2020 và giấy cam kết ngày 25/10/2020. Tại Kết luận giám định số 598 ngày 09/4/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: “Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2- trừ chữ ký, chữ viết tại các mục “Ngày...tháng...năm”, “Người nộp” trên tài liệu cần giám định A1 và chữ ký, chữ viết có nội D “Người làm chứng - Quỳnh - Bùi Xuân Quỳnh - Nguyễn Văn Ty - H - Nguyễn Thị H – T - Nguyễn Việt T” trên tài liệu cần giám định A2) so với chữ ký, chữ viết của Vi Mạnh C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết, ký ra. Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định chữ viết tại mục “Ngày... tháng... năm” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) do bị sửa chữa nội D”.

Tại Cơ quan điều tra, chị Lê Thị Thu G, sinh năm 1980, trú tại số 35, tổ 4, pH Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội là Tổng giám đốc Công ty A trình bày khoảng giữa tháng 10/2020, Vi Mạnh C có gửi cho công ty 02 form hàng xin tuyển dụng xuất khẩu lao động đi Đài Loan của chị H, anh T. Chị G đã giao cho chị Đỗ Thị Minh K, sinh năm 1990, trú tại số 26 đường Thanh Lãm, pH Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội là nhân viên công ty phỏng vấn 02 người lao động trên nhưng chị K chỉ nhận 02 video tự phỏng vấn của 02 lao động này. Đối với các đơn hàng xuất khẩu lao động, khi nào người lao động trúng tuyển thì công ty mới tiến hành thu tiền, các chi nhánh không

được thu tiền của người lao động. Chị G đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 bản lý lịch của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Việt T; 01 bản photo thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/ văn phòng/ địa điểm kinh doanh; 01 bản sao hợp đồng hợp tác lập ngày 11/10/2019 giữa Công ty cổ phần cung ứng nhân lực A quốc tế và Vi Mạnh C; 01 sổ hồ sơ pháp lý của Công ty A.

Tại Cơ quan điều tra, chị Đỗ Thị Minh K khai nhận khoảng giữa tháng 10/2021, Vi Mạnh C có gửi thông tin 02 người lao động là chị H, anh T vào nhóm zalo “A-CN B”, Công ty A có yêu cầu C làm video giới thiệu 02 lao động trên. Ngày 23/10/2020, chị K có nhận được 02 video tự giới thiệu của chị H, anh T do chị H gửi vào nhóm zalo “A-CN B”. Sau đó, công ty có gửi 02 đoạn video trên cho người tuyển dụng lao động nhưng 02 lao động này đều không trúng tuyển đơn hàng làm nấm. Ngoài ra, công ty không nhận được tiền hay tài liệu, hồ sơ nào khác liên quan đến 02 lao động trên.

Ngày 06/7/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra dữ liệu điện tử trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1w, số IMEI1: 869125024606613, số IMEI2: 869125024606605, gắn số sim0865804468 của chị Đỗ Thị Minh K, kết quả tại nhóm zalo “A-CN B” phát hiện có nhiều tin nhắn liên quan đến việc tuyển dụng lao động xuất khẩu, trong đó có tin nhắn của người có tài khoản zalo “Vi Mạnh Cuong” nhắn tin lên nhóm vào ngày 28/9/2020 với nội D “Cần đơn cấp vk ck hộ lý, công xưởng. Hồ sơ đa đầy đủ”.

Ngày 06/9/2021, Vi Mạnh C đã đến Công an thành phố B đầu thú, tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu xám, gắn sim số 091212298 đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, Vi Mạnh C đã bồi tH cho chị Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng, chị Lư Thị D, sinh năm 1988, trú tại số 84, đường Tân Ninh, pH Trần Phú, thành phố B, tỉnh B là vợ của Vi Mạnh C đã bồi tH cho chị H số tiền 5.000.000 đồng (tổng cộng chị H đã được bồi tH trả lại 55.000.000 đồng gồm 47.000.000 đồng bị chiếm đoạt và 8.000.000 đồng tiền cho vay). Hiện chị H không có yêu cầu, đề nghị gì khác về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vi Mạnh C.

Đối với chị Nguyễn Thị H là người nhận hồ sơ, tiền đặt cọc 10.000.000 đồng của chị H, anh T và thực hiện các thủ tục khác theo yêu cầu của Vi Mạnh C nhưng không biết việc Vi Mạnh C chiếm đoạt số tiền 47.000.000 đồng nên chị H không vi phạm pháp luật.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn số sim 0912122988 đã được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, bị cáo Vi Mạnh C đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 214/CT-VKS ngày 18 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Vi Mạnh C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Vi Mạnh C khai nhận nội D diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng tội, không oan sai. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo, nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Vi Mạnh C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vi Mạnh C từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi tH dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại bị cáo Vi Mạnh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn số sim 0912122988 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Căn cứ vào Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú được lập vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 06/9/2021, lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/9/2020 đến ngày 25/9/2020, tại Công ty cổ phần đầu tư và nhân lực VMC-VMC GROUP, địa chỉ tại thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn, thành phố B, bằng thủ đoạn gian dối thông báo chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn Vườn Tùng, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B và anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1988, trú tại thôn Tư Mại, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh B trúng tuyển đơn hàng xuất khẩu lao động tại nước ngoài, Vi Mạnh C đã chiếm đoạt của chị H tổng số tiền 47.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Vi Mạnh C đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, bất bình trong nhân dân. Do đó, phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với tội phạm này

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động đến gia đình bị cáo bồi tH cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui

định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phải không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Xét về nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự

[8] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện; căn cứ nhân thân và tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa vi phạm hoặc bị xử lý hình sự về tội phạm nào khác. Việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo cũng để giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[8] Về mức hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử nhận định bị cáo Vi Mạnh C là Tổng giám đốc Công ty VMC. Công ty VMC kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau nhưng không được đăng ký kinh doanh và cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Ngoài ra bị cáo còn ký hợp đồng hợp tác với Công ty A, theo hợp đồng bị cáo không được thu bất kể một khoản chi phí nào của người lao động nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người khác để tư vấn và tự ý thu tiền khi chưa được sự đồng ý của Công ty A để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, bất bình trong nhân dân chứng tỏ bị cáo đã thực hiện một cách liều lĩnh và táo bạo nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm này.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, có mức thu nhập ổn định, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi tH dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn số sim 0912122988 đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.



[12] Đối với chị Nguyễn Thị H là người nhận hồ sơ, tiền đặt cọc 10.000.000 đồng của chị H, anh T và thực hiện các thủ tục khác theo yêu cầu của Vi Mạnh C nhưng không biết việc Vi Mạnh C chiếm đoạt số tiền 47.000.000 đồng nên chị H không vi phạm pháp luật.

[13] Hội đồng xét xử xác định xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Nên, cần trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác theo Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Mạnh C 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại bị cáo Vi Mạnh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn số sim 0912122988 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo Quyết định chuyển vật chứng số 181/QĐ-VKS ngày 18/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B
- VKSND TP B;
- Cơ quan CSĐT TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh B
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thu Hà**